TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PHÚ XUYÊN** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - hạnh phúc**
Bản án số: 32 /2018/DS - ST *Ngày: 31 - 5 - 2018* *V/v tranh chấp* *hợp đồng mua bán tài sản*	

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ XUYÊN, TP HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Ông Phùng Văn Phong.

Các hội thẩm nhân dân: Đào Đức Giôn và Nguyễn Xuân Hiếu.

- Thư ký ghi biên bản phiên toà: Bà Nguyễn Thị Dung – Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Phú Xuyên, Thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Xuyên, Thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hiền - Kiểm sát viên

Ngày 31 tháng 5 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Phú Xuyên, Thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 03/2018/TLST – DS ngày 02 tháng 02 năm 2018 về tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 41/2018/QĐXXST - DS ngày 17 tháng 4 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Ngô Thị Y, sinh năm 1971.

Đăng ký hộ khẩu thường trú và cư trú tại: Số 12, ngách 7, ngõ 6, phường M, quận Đ, Thành phố Hà Nội. Có mặt.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Đức V, sinh năm 1957.

Đăng ký hộ khẩu thường trú và cư trú tại: Thôn T, xã H, huyện X, Thành phố Hà Nội. Ông V đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và quá trình xét xử, nguyên đơn Ngô Thị Y trình bày:

Bà Ngô Thị Y kinh doanh buôn bán các loại cám chăn nuôi thủy sản và gia súc của hãng cám AUSTFEED. Trong thời gian từ tháng 6 năm 2016 đến đầu năm 2017 bà Y nhiều lần bán cho ông Nguyễn Đức V thức ăn chăn nuôi cá (cám cá) mã 9014. Khi mua bán, các bên thỏa thuận: Bà Yến có trách nhiệm giao cám tại ao cá nhà ông Văn ở thôn T, xã H, huyện X theo yêu cầu từ phía ông V; thời điểm thanh toán là ngay khi các bên giao nhận cám; giá cám là 339.000 đồng/bao, nếu ông Văn thanh toán tiền ngay thì sẽ được trừ 20.000 đồng/bao; mỗi lần giao cám, thanh toán

tiền các bên đều ký nhận tại phiếu giao hàng. Kể từ tháng 6/2016 cho đến tháng 9/2016 việc mua bán cám với ông V diễn ra bình thường, các bên giao hàng, thanh toán đúng thỏa thuận. Sau do việc chăn thả cá gặp khó khăn nên ông V đề nghị bà Y bán chịu cám 02 tháng kể từ ngày 17/10/2016 chờ thu hoạch cá mới có tiền thanh toán và được bà Y đồng ý. Kể từ ngày 17/10/2016 ông V 05 lần mua mã cám 9014 của bà Yến, cụ thể:

Ngày 17/10/2016, mua 60 bao x 339.000đ/bao = 20.340.000 đồng (phiếu giao hàng số 627), mới thanh toán 5.000.000 đồng còn nợ là 15.340.0000 đồng.

Ngày 01/11/2016, mua 60 bao x 339.000đ/bao = 20.340.000 đồng. (phiếu giao hàng số 686).

Ngày 21/11/2016, mua 60 bao x 339.000đ/bao = 20.340.000 đồng. (phiếu giao hàng số 761).

Ngày 08/12/2016, mua 60 bao x 339.000đ/bao = 20.340.000 đồng. (phiếu giao hàng số 826).

Ngày 03/01/2017, mua 28 bao x 339.000đ/bao = 9.492.000 đồng. (phiếu giao hàng số 923).

Đến ngày 17/01/2017 ông Văn đã thanh toán trả bà Y 30.000.000 đồng số nợ mua cám các ngày 03/01/2017, 08/12/2016 và một phần số nợ mua cám ngày 21/11/2016.

Đối trừ số tiền đã thanh toán trả, ông V còn nợ bà Y số tiền của các lần mua cám ngày 17/10/2016, 01/11/2016 và ngày 21/11/2016 tổng là 55.852.000 đồng (Năm mươi lăm triệu tám trăm lăm hai nghìn đồng).

Tại phiên tòa, bà Ngô Thị Y vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện buộc ông Nguyễn Đức V thanh toán trả toàn bộ số tiền mua cám còn nợ là 55.852.000 đồng (Năm mươi lăm triệu tám trăm lăm hai nghìn đồng) và tiền lãi chậm thanh toán phát sinh trên số tiền chậm thanh toán kể từ ngày 18/12/2016 theo quy định pháp luật.

Ngoài ra bà Y không chấp nhận yêu cầu của ông V về đối trừ 400 đồng/kg cám (tức 10.000 đồng/bao cám) của 213 bao cám đã mua bán trước đó và 268 bao cám của 05 lần mua cám từ ngày 17/10/2016 đến ngày 03/01/2017, với lý do toàn bộ số cám cá mua bán giữa bà với ông Văn là loại cám có mã 9014 không nằm trong thỏa thuận hỗ trợ trại vệ tinh số 01/2016 ký kết giữa các bên.

Phía bị đơn ông Nguyễn Đức V:

Ông V xác nhận từ tháng 06/2016 ông nhiều lần mua của bà Y cám cá loại AUSTFEED có mã 9014, trong đó từ tháng 10/2016 đến tháng 01/2017 ông 05 lần mua cám của bà Y như bà Y trình bày, cụ thể: Ngày 17/10/2016 mua 60 bao, ngày 01/11/2016 mua 60 bao, ngày 21/11/2016 mua 60 bao, ngày 08/12/2016 mua 60 bao và ngày 03/01/2017 mua 28 bao đồng thời thừa nhận thỏa thuận giữa các bên về địa điểm, trách nhiệm giao cám và thời điểm thanh toán tiền đúng như bà Y trình bày.

Trước yêu cầu khởi kiện của bà Y, ông V có quan điểm:

- Về giá cám mua bán: Ông không đồng ý việc bà Y yêu cầu thanh toán theo giá cám 339.000 đồng/bao với lý do trước đó các bên đều thanh toán với nhau theo giá 319.000 đồng/bao, mặt khác phiếu giao hàng ngày 17/10/2016, ngày 01/11/2016 và ngày 08/12/2016 có chữ ký của cả hai bên thể hiện giá cám chỉ 319.000

đồng/bao. Vì vậy số tiền mua cám ông còn nợ bà Y chỉ tính theo giá cám 319.000 đồng/bao cụ thể là:

Ngày 17/10/2016 mua 60 bao x 319.000đ/bao = 19.140.000 đồng trong đó đã thanh toán 5.000.000đ còn nợ là 14.140.000đ.

Ngày 01/11/2016 mua 60 bao x 319.000đ/bao = 19.140.000 đồng.

Ngày 21/11/2016 mua 60 bao x 319.000đ/bao = 19.140.000 đồng.

Ngày 08/12/2016 mua 60 bao x 319.000đ/bao = 19.140.000 đồng.

Ngày 03/01/2017 mua 28 bao x 319.000đ/bao = 8.932.000 đồng.

Đến ngày 17/01/2017 ông V đã thanh toán trả bà Y là 30.000.000đ của số nợ mua cám các ngày 03/01/2017, 08/12/2016 và một phần số nợ mua cám ngày 21/11/2016.

Đối trừ số tiền đã thanh toán trả, ông V còn nợ bà Yến số tiền của các lần mua cám ngày 17/10/2016, 01/11/2016 và ngày 21/11/2016 tổng là 50.492.000 đồng (Năm mươi triệu bốn trăm chín hai nghìn đồng).

Về việc bà Y yêu cầu tính lãi: Ông V xác nhận ngày 17/10/2016 bà Yến đồng ý bán chịu (cho nợ) 02 tháng, mặc dù sau đó chưa thanh toán trả được tiền mua cám theo thỏa thuận này, xong do các bên cũng không có thỏa thuận về lãi nên ông không chấp nhận việc bà Y yêu cầu tính lãi đối với ông.

Ngoài ra ông V còn yêu cầu bà Y đối trừ cho ông 400 đồng/kg cám (tức 10.000 đồng/bao cám) của 213 bao cám đã mua bán trước đó và 268 bao cám của 05 lần mua cám từ ngày 17/10/2016 đến ngày 03/01/2017 theo thỏa thuận hỗ trợ trại vệ tinh số 01/2016 đã ký kết giữa các bên.

Đại diện VKSND Phú Xuyên tham gia phiên toà xác định:

Về tố tụng: Quá trình tố tụng cũng như tại phiên toà, Thẩm phán, Thư ký được phân công giải quyết vụ án đã thực hiện đúng các quy định về thu thập chứng cứ, chấp hành đúng pháp luật tố tụng; Đương sự đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình trong suốt quá trình tố tụng cũng như tại phiên toà..

Về nội dung: Đề nghị HĐXX áp dụng Khoản 2 Điều 305, Điều 428, Điều 429, Điều 431 và Điều 438 Bộ luật dân sự năm 2005, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Ngô Thị Y; buộc ông Nguyễn Đức V phải thanh toán trả bà Ngô Thị Y 55.852.000 đồng (Năm mươi lăm triệu tám trăm lăm hai nghìn đồng) và số tiền lãi phát sinh do chậm thực hiện nghĩa vụ tính từ 18/12/2016 đến thời điểm xét xử sơ thẩm theo mức lãi xuất cơ bản do Ngân hàng nhà nước quy định (09%/năm); ngoài ra còn đề nghị buộc ông V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà trên cơ sở lời trình bày của các bên đương sự và quan điểm của Đại diện VKSND, HĐXX nhận định:

Về tố tụng:

Đây là vụ kiện về tranh chấp hợp đồng dân sự theo quy định tại Khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án; Do bị

đơn có địa chỉ và cư trú tại thôn T, xã H, huyện X vì vậy TAND huyện X thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a Khoản 1 Điều 35 và điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung tranh chấp:

Giao dịch mua bán cám giữa ông Nguyễn Đức V và bà Ngô Thị Y là loại hợp đồng mua bán tài sản quy định tại Điều 428 Bộ luật dân sự năm 2005 có thỏa thuận về giá, địa điểm, trách nhiệm giao hàng và thời điểm thanh toán.

Căn cứ vào trình bày đã thống nhất giữa các bên đương sự, người làm chứng cùng các tài liệu, chứng cứ do phía nguyên đơn, bị đơn xuất trình như các phiếu giao hàng ngày 17/10/2016, ngày 01/11/2016, ngày 21/11/2016, ngày 08/12/2016, ngày 03/01/2017 và phiếu thu ngày 17/10/2016, ngày 17/01/2016 có đủ căn cứ khẳng định từ ngày 17/10/2016 đến ngày 03/01/2017 ông Nguyễn Đức V 05 lần mua của bà Ngô Thị Y cám nuôi cá loại AUSTFEED có mã 9014 với số lượng: Ngày 17/10/2016 mua 60 bao, ngày 01/11/2016 mua 60 bao, ngày 21/11/2016 mua 60 bao, ngày 08/12/2016 mua 60 bao và ngày 03/01/2017 mua 28 bao.

Về giá mua bán cám: Tại các phiếu giao hàng ký nhận giữa các bên do chị Y xuất trình đều thể hiện giá mua bán cám là 339.000 đồng/bao; mặc dù phía ông V xuất trình một số phiếu giao hàng thể hiện giá mua bán cám là 319.000 đồng/bao, song chị Yến cùng người làm chứng chị Trần Thị Thanh L (người bán hàng thuê cho chị Y) đều khẳng định chỉ trong trường hợp ông V thanh toán trả tiền mua cám đúng hạn mới được hưởng mức giá này. Do ông V đã không thực hiện nghĩa vụ thanh toán trả tiền mua cám hạn nên Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu của bà Y về tính giá cám 339.000đồng/bao là có cơ sở.

Từ các căn cứ trên, Hội đồng xét xử xác định số tiền 05 lần ông V mua cám của bà Yến cụ thể là:

Ngày 17/10/2016 theo phiếu giao hàng số 627, ông V mua 60 bao cám x 339.000đ/bao = 20.340.000 đồng trong đó đã thanh toán 5.000.000 đồng còn nợ là 15.340.0000 đồng.

Ngày 01/11/2016 theo phiếu giao hàng số 686, ông V mua 60 bao cám x 339.000đ/bao = 20.340.000 đồng.

Ngày 21/11/2016 theo phiếu giao hàng số 761, ông V mua 60 bao cám x 339.000đ/bao = 20.340.000 đồng.

Ngày 08/12/2016 theo phiếu giao hàng số 826, ông V mua 60 bao cám x 339.000đ/bao = 20.340.000 đồng.

Ngày 03/01/2017 theo phiếu giao hàng số 923, ông V mua 28 bao cám x 339.000đ/bao = 9.492.000 đồng.

Ngày 17/01/2017 ông Văn thanh toán trả bà Y 30.000.000 đồng của số nợ mua cám ngày 03/01/2017, ngày 08/12/2016 và một phần số nợ mua cám ngày 21/11/2016.

Sau khi đối trừ số tiền đã thanh toán trả, xác định ông V còn nợ bà Y số tiền của các lần mua cám ngày 17/10/2016, 01/11/2016 và ngày 21/11/2016 tổng là 55.852.000 đồng (Năm mươi lăm triệu tám trăm lăm hai nghìn đồng).

Vì vậy, việc bà Y khởi kiện yêu cầu buộc ông V phải thanh toán trả số tiền mua cám còn nợ 55.852.000 đồng là có cơ sở, Hội đồng xét xử chấp nhận.

Do giao dịch mua bán cám giữa ông V với bà Y là loại hợp đồng mua bán tài sản có thỏa thuận về thời điểm thanh toán (sau 02 tháng kể từ ngày 17/10/2016) nên bà Yến yêu cầu ông V phải chịu lãi do chậm trả tiền kể từ ngày 18/12/2016 theo quy định pháp luật là có căn cứ. Đối chiếu với Điều 438, khoản 2 Điều 305 Bộ luật dân sự năm 2005 và Quyết định số 2868/QĐ - NHNN ngày 29/11/2010 của Ngân hàng Nhà nước quy định về mức lãi suất cơ bản 09%/năm (bằng 0.75%/tháng), số tiền lãi buộc ông Văn phải trả bà Y kể từ ngày 18/12/2016 đến thời điểm xét xử sơ thẩm (ngày 31/5/2018) là: 55.852.000 đồng x 29 tháng 13 ngày x 0.75%/tháng = 12.329.300 đồng.

Do toàn bộ số cám cá ông V mua của bà Y là cám có mã 9014 không nằm trong loại cám được hỗ trợ theo thỏa thuận hỗ trợ trại vệ tinh số 01/2016 ký kết giữa các bên; mặt khác mặc, dù đưa ra yêu cầu đối trừ về số tiền hỗ trợ trại vệ tinh, song ông Văn không nộp tiền tạm ứng án phí đối với yêu cầu này. Vì vậy yêu cầu của ông V đối với bà Y về đối trừ 10.000 đồng/bao cám của 213 bao cám đã mua bán trước đó và 268 bao cám của 05 lần mua bán từ ngày 17/10/2016 đến ngày 03/01/2017 là không có căn cứ nên không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Ông Nguyễn Đức V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Do yêu cầu khởi kiện được chấp nhận nên trả lại cho bà Ngô Thị Y số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 2 Điều 305, Điều 428, Điều 429, Điều 431 và Điều 438 Bộ luật dân sự năm 2005; Khoản 3 Điều 26, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2016; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Ngô Thị Y đối với ông Nguyễn Đức V, cụ thể:

Buộc ông Nguyễn Đức V phải thanh toán trả bà Ngô Thị Y số tiền mua cám nuôi cá còn nợ là 55.852.000 đồng và 12.329.300 đồng tiền lãi phát sinh do chậm thanh toán, tổng cả tiền nợ và tiền lãi là 68.181.300 đồng (Sáu mươi tám triệu một trăm tám mươi mốt nghìn ba trăm đồng).

Kể từ ngày Quyết định có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn đề nghị thi hành, ngoài khoản tiền phải trả nêu trên, người phải thi hành án còn phả trả cho người được thi hành án khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

2. Về án phí: Ông Nguyễn Đức V phải nộp 3.409.000 đồng (Ba triệu bốn trăm lẻ chín nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Trả lại bà Ngô Thị Y 1.771.000 đồng (Một triệu bẩy trăm bẩy mốt nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0004943 ngày 02/02/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Xuyên.

Án xử công khai sơ thẩm, báo nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt bản án hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND TP Hà Nội;
- VKSND huyện X;
- VKSND TP Hà Nội;
- Chi cục THADS huyện X;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

(Đã ký)

Phùng Văn Phong